

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bồ Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng nghề Đông Bắc (đợt 7)

(Kèm theo Quyết định số: 779/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Yên Thế)

Số TT	Họ tên người sử dụng đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m ²)	Diện tích thu hồi ngoài chỉ giới (m ²)	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đã thu hồi năm 2011	Loại đất thu hồi	Bồi thường về đất (đồng)		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, tài sản trên đất					Tổng cộng các khoản BT, HT (đồng)	Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (40.000d/m ²)	Ghi chú				
										Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			Loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ bồi thường (%)				Thành tiền (đồng)			
I	TDP Đông Lều																								
1	Dương Ngọc Lương ủy quyền cho Dương Thanh Huyền	33	230	110.7	2.8	0.0	2.8	0.0	ONT	5,500,000	15,400,000			Sân bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng cát mác 150 dày 2-:- 3 cm	m ²	2.8	120,000	100%	336,000	92,688,000	112,000				
														Bán mái tôn liên doanh	m ²	2.8	270,000	100%	756,000						
			179	19,393.0	13.5	0.0	13.5	0.0	ONT	5,500,000	74,250,000			Sân bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng cát mác 150 dày 2-:- 3 cm	m ²	12	120,000	100%	1,440,000		540,000				
														Sấu ĐK gốc 12 cm ≤ Φ <15cm	cây	1	506,000	100%	506,000						
2	Nguyễn Thị Hằng ủy quyền cho Nguyễn Văn Long	33	310	88.5	4.4	0.0	4.4	0.0	CLN	48,000	211,200	633,600	30,800	Lộc vùng áp dụng cây có tán che nắng (Bàng, Phượng vĩ) D1,3 từ trên 13-20 cm	cây	1	123,000	100%	123,000	1,325,000	176,000				
														Sân bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng cát mác 150 dày 2-:- 3 cm	m ²	3.4	120,000	80%	326,400						
3	Nguyễn Văn Sơn	33	179	19,393.0	3.7	0.0	3.7	0.0	ONT	5,500,000	20,350,000			Khối bê tông mác 200 KT 3m2x0.15	m ³	0.45	2,230,000	100%	1,003,500	22,471,500	148,000				
														Sấu ĐK gốc trên 40 cm	cây	1	1,118,000	100%	1,118,000						
II	TDP Vòng Huyện																								
4	Đặng Ngọc Đông (Nhượng)	4	29	473.1	67.1	0.0	67.1	132.0	BHK	52,000	3,489,200	10,467,600	671,000	Cây trồng hàng năm	m ²	67.1	8,800	100%	590,480	15,218,280	2,684,000				
5	Đào Thị Mười	5	67	253.1	11.6	0.0	11.6	21.0	LUC	52,000	603,200	1,809,600	116,000	Cây trồng hàng năm	m ²	11.6	8,800	100%	102,080	2,630,880	464,000				
6	Trần Văn Tuyên (Đỗ Thị Lộc) - Công dân xã Đông Sơn	5	68	263.4	12.5	0.0	12.5	24.0	LUC	52,000	650,000	1,950,000	125,000	Cây trồng hàng năm	m ²	12.5	8,800	100%	110,000	2,835,000	500,000				
7	Đào Văn Lịch - Công dân xã Đông Sơn	5	69	211.8	14.6	0.0	14.6	27.0	LUC	52,000	759,200	2,277,600	146,000	Cây trồng hàng năm	m ²	14.6	8,800	100%	128,480	3,311,280	584,000				
III	TDP Gia Lâm																								
8	Đỗ Trung Thành (đã chết) người được cử đại diện Đỗ Văn Long - ủy quyền cho ông Trịnh Bá Hùng	1	24	894.1	94.5	0.0	94.5	115.0	LUC	52,000	4,914,000	14,742,000	945,000	Cây trồng hàng năm	m ²	94.5	8,800	100%	831,600	21,432,600	3,780,000				

Số TT	Họ tên người sử dụng đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi ngoài chỉ giới (m2)	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đã thu hồi năm 2011	Loại đất thu hồi	Bồi thường về đất (đồng)		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, tài sản trên đất					Tổng cộng các khoản BT, HT (đồng)	Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (40.000đ/m2)	Ghi chú	
										Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			Loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ bồi thường (%)				Thành tiền (đồng)
9	Phùng Thị Tý (đã chết) hàng thừa kế thứ nhất gồm Trần Văn Cẩn, Trần Thị Thơ, Trần Văn Xuân, Trần Văn Phú	1	25	131.2	34.4	19.6	54.0	57.0	LUC	52,000	2,808,000	8,424,000	540,000	Cây trồng hàng năm	m ²	54.0	8,800	100%	475,200	12,247,200	2,160,000	
10	Nguyễn Xuân Lộc ủy quyền cho Nguyễn Xuân Sơn	1	26	135.8	31.5	0.0	31.5	30.0	LUC	52,000	1,638,000	4,914,000	315,000	Cây trồng hàng năm	m ²	31.5	8,800	100%	277,200	7,144,200	1,260,000	
11	Nguyễn Văn Đạo (đã chết) hàng thừa kế thứ nhất gồm Nguyễn Văn Bộ, Nguyễn Thị Cải, Nguyễn Thị Tiều, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị Thuận, Nguyễn Thị Huệ	1	27	312.2	35.8	0.0	35.8	42.0	LUC	52,000	1,861,600	5,584,800	358,000	Cây trồng hàng năm	m ²	35.8	8,800	100%	315,040	8,119,440	1,432,000	
Tổng				41,659.9	326.4	19.6	346.0	448.0			126,934,400	50,803,200	3,246,800						8,438,980	189,423,380	13,840,000	